



むりょう! FREE! GRATUITO! 免费! Miễn phí!

Japanese Language for Work

しごとのためにほんご

11月/12月スタート

11/15 更新版

外国人就労・定着支援研修

Training Course for Promoting Stable Employment of Foreign Residents

Curso de Capacitación para Promover el Empleo Estable para Residentes Extranjeros

外国人就业及稳定就业支援培训

Khóa đào tạo hỗ trợ tìm kiếm việc làm ổn định dành cho người nước ngoài



しんじゅく 新宿 SHINJUKU	しぶや 渋谷 SHIBUYA	としま (いけぶくろ) 豊島(池袋) TOSHIMA (IKEBUKURO)	えどがわ 江戸川 EDOGAWA	かつしか 葛飾 KATSUSHIKA	たちかわ 立川 TACHIKAWA	あきしま・おうめ 昭島・青梅 AKISHIMA・OME
-------------------------	----------------------	--	------------------------	--------------------------	-------------------------	-----------------------------------

ざいりゅうしかく/ Status of residence/ Tipo de visa/ 居留资格/ Tư cách lưu trú



- ・えいじゅうしゃ/ にほんじん の はいぐうしゃ など/ えいじゅうしゃ の はいぐうしゃ など/
ていじゅうしゃ
- ・Permanent resident, Spouse or child of Japanese national, Spouse or child of permanent resident, and Long term resident
- ・Residente permanente ("eijusha"), cónyuge o hijo de japonés ("nihonjin no haigusha"), cónyuge o hijo de residente permanente ("eijusha no haigusha") y residente de largo período ("teijusha").
- ・永住者, 日本人的配偶等, 永住者的配偶等, 定住者
- ・Người cư trú vĩnh viễn, vợ/chồng của người Nhật, v.v..., vợ/chồng của người cư trú vĩnh viễn, v.v..., người đăng ký thường trú.



もうしこみ/ To apply/ Inscripción/ 報名方法/ Cách đăng ký

ハローワークでもうしこみ

- ・Apply at "Hello Work"
- ・Inscribirse en la Oficina Pública de Empleos (Hello Work)
- ・请在公共职业安定所进行咨询、办理申请手续
- ・Đăng ký tại Văn phòng ổn định việc làm "Hello Work"

ハローワーク 東京
"Hello Work Tokyo" Info.



- しゃしん 1 まい
Photo × 1,
1 Foto
照片 1 张,
1 tấm ảnh
(3×4cm)



- ざいりゅうカード or パスポート
ZAIRYU Card or Passport
La Tarjeta de Residencia o Pasaporte
在留卡或护照
Thẻ lưu trú Hoặc hộ chiếu

テストの 2～3 にちまえ
までに JICE から
でんわ か メールがきます

- ・Mail/Call from JICE
2-3 days before the Test



レベルチェック
テスト

- ・Placement Test
- ・Prueba de nivel
- ・日语水平测试
- ・Bài thi kiểm tra trình độ



けんしゅうスタート
Training Begins/ Inicio del curso
进修开始/ Bắt đầu khóa đào tạo



もうしこみは、ちかくのハローワークにいらしてください。かいじょうでもうしこみはできません。
Please go to Hello Work which is close to where you live for your application.

コース Course Curso No.	かいじょう Place Lugar、会場 Địa điểm học	レベル Level Nivel 等级 Trình độ	コースきかん、にちじ Course Period, Times Período del Curso, Horario 培训期间、课程表 Thời gian khóa học	しめきり Application Deadline Fecha Límite para Inscripción 申请最后期限 Hạn đăng ký	レベルチェック テスト Placement Test Prueba de nivel 日语水平测试 Bài thi kiểm tra trình độ
-------------------------------	--	---	--	---	--

37	しんじゅく 新宿 SHINJUKU	1	2023/11/28 ~ 2024/1/30		募集延長 Extended! 12/1	11/21
			げつ〜さん Mon.〜Fri. Lun. a vie. 周一〜周五 Thứ 2 ~Thứ 6	10:00 ~ 13:00		10:00〜
38	しんじゅく 新宿 SHINJUKU	3	2023/11/28 ~ 2024/1/30		募集延長 Extended! 12/5	11/21
			げつ〜さん Mon.〜Fri. Lun. a vie. 周一〜周五 Thứ 2 ~Thứ 6	14:00 ~ 17:00		14:00〜

43	しぶや 渋谷 SHIBUYA	3	2023/12/6 ~ 2024/2/8		募集延長 Extended! 12/5	11/29
			げつ〜さん Mon.〜Fri. Lun. a vie. 周一〜周五 Thứ 2 ~Thứ 6	9:00 ~ 12:00		9:30〜

48	としま いけぶくろ 豊島 (池袋) TOSHIMA (IKEBUKURO)	2	2023/12/13 ~ 2024/2/14		12/1	12/5
			げつ〜さん Mon.〜Fri. Lun. a vie. 周一〜周五 Thứ 2 ~Thứ 6	9:00 ~ 12:00		9:30〜
49	としま いけぶくろ 豊島 (池袋) TOSHIMA (IKEBUKURO)	3	2023/12/13 ~ 2024/2/14		12/1	12/5
			げつ〜さん Mon.〜Fri. Lun. a vie. 周一〜周五 Thứ 2 ~Thứ 6	13:30 ~ 16:30		14:00〜

56	えどがわ 江戸川 EDOGAWA	1	2023/12/4 ~ 2024/2/6		募集延長 Extended! 11/30	11/27
			げつ〜さん Mon.〜Fri. Lun. a vie. 周一〜周五 Thứ 2 ~Thứ 6	9:00 ~ 12:00		9:30〜
57	えどがわ 江戸川 EDOGAWA	2	2023/12/4 ~ 2024/2/6		募集延長 Extended! 12/6	11/27
			げつ〜さん Mon.〜Fri. Lun. a vie. 周一〜周五 Thứ 2 ~Thứ 6	13:30 ~ 16:30		14:00〜

60	かつしか 葛飾 KATSUSHIKA	3	2023/12/7 ~ 2024/2/15		募集延長 Extended! 12/15	11/30
			げつ〜さん Mon.〜Fri. Lun. a vie. 周一〜周五 Thứ 2 ~Thứ 6	9:00 ~ 12:00		9:30〜

63	たちかわ 立川 TACHIKAWA	3	2023/12/11 ~ 2024/2/14		募集延長 Extended! 12/13	12/1
			げつ〜さん Mon.〜Fri. Lun. a vie. 周一〜周五 Thứ 2 ~Thứ 6	9:30 ~ 12:30		9:30〜

66	あきしま・おうめ 昭島・青梅 AKISHIMA・OME	1	2023/12/14 ~ 2024/2/15		募集延長 Extended! 12/13	12/5
			げつ〜さん Mon.〜Fri. Lun. a vie. 周一〜周五 Thứ 2 ~Thứ 6	9:30 ~ 12:30		9:30〜

かいじょうアクセス
Access Map/
Mapa de acceso/ 会場

もうしこみのといあわせ
Contact Info/ Información de
contacto/ 联系方式/ Liên hệ
★JICE調整員(ちょうせいいいん)
/Local Coordinator

★ JICE調整員(ちょうせいいいん)が 電話(でんわ)に 出(で)ないときは、待(ま)ってください。調整員(ちょうせいいいん)が 電話(でんわ)を かけなおします。
If the Local Coordinator cannot answer your call, he/she will call you back later.

しんじゅく 新宿 SHINJUKU	にほんこくさいきょうりょくセンター(JICE) Shinjuku Dai-ichi Seimei Bldg 16F, 2-7-1, Nishi-Shinjuku, Shinjuku-ku		サン デニス (Mr. Dennis) 090 9964 2936 tabunka03@softbank.ne.jp Japanese/English/Tagalog
-JRしんじゅくえき(にしぐち) とほ 15ふん -おおえどせん とちょうまええき(A4でぐち) とほ 5ふん -まるのうちせん にししんじゅくえき(E4でぐち) とほ 5ふん			
しぶや 渋谷 SHIBUYA	こくりつオリンピックきねんせいしょうねん そうごうセンター 3-1-1 Kamizono-cho, Yoyogi, Shibuya-ku		李 京蘭 (Ms. Lee) 080 4816 0191 tabunka02@softbank.ne.jp Japanese/Chinese/English
-おだきゅうせん さんぐうばしえき とほ 7ふん -ちよだせん よよぎこうえんえき とほ 10ふん			
としま いけぶくろ 豊島 (池袋) TOSHIMA (IKEBUKURO)	みらいかんたいめい 3-30-8, Ikebukuro, Toshima-ku		李 京蘭 (Ms. Lee) 080 4816 0191 tabunka02@softbank.ne.jp Japanese/Chinese/English
-JR いけぶくろえき(C1でぐち) とほ 10ふん -ゆうらくちょうせん かなめちょうえき(5でぐち) とほ 8ふん			
えどがわ 江戸川 EDOGAWA	タワーホールふなぼり 4-1-1 Funabori, Edogawa-ku		陳 岩 (Ms. Chen) 090 9101 4597 tabunka01@softbank.ne.jp Japanese/Chinese/English
-とえいしんじゅくせん ふなぼりえき(きたぐち) とほ 3ふん 江戸川区後援			
かつしか 葛飾 KATSUSHIKA	かつしかシンフォニーヒルズ 6-33-1 Tateishi, Katsushika-ku		陳 岩 (Ms. Chen) 090 9101 4597 tabunka01@softbank.ne.jp Japanese/Chinese/English
-けいせいせん あおとえき とほ 5ふん			
たちかわ 立川 TACHIKAWA	しばさきかいかん 1-16-3 Shibasaki-cho, Tachikawa-shi		李 京蘭 (Ms. Lee) 080 4816 0191 tabunka02@softbank.ne.jp Japanese/Chinese/English
-JR たちかわえき とほ 13ふん -たまモノレール しばさきたいいくかんえき とほ 8ふん			
あきしま・おうめ 昭島・青梅 AKISHIMA・OME	にしたましんぶんしゃ 33 Honcho, Fussa-shi		李 京蘭 (Ms. Lee) 080 4816 0191 tabunka02@softbank.ne.jp Japanese/Chinese/English
-JR ふっさえき とほ 5ふん			

- ・レベルチェックテストは **かならず** 受けてください。テストの **けっか** で **けんしゅう** を **うける** ことが **できない** ことがあります。レベルチェックテストには **えんぴつ** と **けしごむ** を **もって** きてください。
- ・ All participants are required to take the placement test to determine Japanese level. Please note that if the test results indicate that none of the course levels would be appropriate for your level, you may be asked to participate in upcoming courses instead. Please bring a pencil and an eraser for the placement test.
- ・ Rendir la prueba de nivel (examen escrito y de conversación) es requisito básico para participar en los cursos. Según el resultado de estos exámenes, existe la posibilidad de no poder participar en el curso. Por favor, traer lápiz y borrador para el examen.
- ・ 为了决定所属班级，请务必参加日语水平考试。如果考试结果与培训课程的水平不相符时，有可能会请您参加下一次以后的培训。日语水平测试时请带上书写工具。
- ・ Nhất định hãy tham gia bài thi kiểm tra trình độ. Tùy vào kết quả của bài thi, có thể bạn sẽ không được tham gia khóa đào tạo. Hãy mang theo bút chì và cục tẩy để làm bài thi kiểm tra trình độ.



【おもな学習内容/ Course Content/ Contenido principal del estudio /主要学习内容/ Nội dung học tập chính】

- このコースでは、**安定就労**に向けて、「**はたらく**」**場面**で用いる**日本語**や**日本の職場習慣**、**雇用慣行**などを学習します。
- ・ This course aims to promote stable employment by teaching Japanese used in work situations, in addition to business customs and employment practices.
- ・ En este curso aprenderán japonés que se usa en escenas relacionadas con "trabajo", las costumbres en el lugar de trabajo y las prácticas habituales de empleo en Japón entre otras cosas.
- ・ 本课程将学习在“工作”场景中使用的日语、日本职场的习惯和雇佣习惯等，为稳定就业做准备。
- ・ Trong khóa học này, bạn sẽ học tiếng Nhật sử dụng trong các tình huống “Làm việc”, tập quán ở nơi làm việc của Nhật Bản và thói quen tuyển dụng, v.v... để có được việc làm ổn định.

レベル1 Level Nive/等级 Trình độ	はじめて にほんご を べんきょう する ひと 、 にほんご が すこし はなせるが、 ひらがな・カタカナ の よみかき が にがて な ひと の コース です。 ・ This class is for people who are studying Japanese for the first time, who can speak a little Japanese but cannot read or write Hiragana and Katakana very well. ・ Es un curso destinado a personas que aprenderán japonés por primera vez o pueden hablar un poco en japonés pero tienen dificultad para leer y escribir hiragana y katakana. ・ 本课程适合日语初学者以及会说简单日语，但不擅长平假名/片假名读写的学员。 ・ Đây là khóa học dành cho người mới bắt đầu học tiếng Nhật, và người có thể nói một chút tiếng Nhật, nhưng còn yếu về kỹ năng đọc, viết Hiragana và Katakana.
レベル2 Level Nive/等级 Trình độ	ひらがな・カタカナ の 読み書き ができ、 日本語 を 少し勉強 したことがある人の コース です。 ・ This class is for people who can read and write Hiragana and Katakana and have studied a little Japanese before. It is also for people who can communicate somewhat in simple Japanese in daily life. ・ Es un curso destinado tanto a personas que han estudiado un poco el idioma japonés y pueden leer y escribir hiragana y katakana, como a personas que en la vida cotidiana pueden comunicarse un poco en japonés de forma breve. ・ 本课程适合会平假名/片假名读写，学过少量日语的学员。以及在生活中会用日语少量简单交流的学员。 ・ Đây là khóa học dành cho người đã có thể đọc viết Hiragana và Katakana, đã từng học một chút tiếng Nhật. Khóa học này dành cho người có thể trao đổi đơn giản được một chút bằng tiếng Nhật trong cuộc sống hàng ngày.
レベル3 Level Nive/等级 Trình độ	ひらがな・カタカナ や 簡単な漢字 の 読み書き ができ、 生活 中である程度 会話 ができる人の コース です。 ・ This class is for people who can read and write Hiragana, Katakana and simple Kanji characters and can carry on conversations in Japanese fairly well in daily life. It is recommended for people who wish to improve their skills in speaking appropriately at work in accordance with the situation or the person being spoken to. ・ Es un curso destinado a personas que pueden leer y escribir hiragana, katakana y algunos kanjis básicos, también en la vida cotidiana pueden comunicarse en japonés hasta cierto punto. El objeto es mejorar la manera correcta de comunicarse en japonés conforme a la persona con la que habla o a la situación en el lugar de trabajo. ・ 本课程适合会平假名/片假名及简单汉字的读写，在生活中能进行一定程度日语对话的学员。符合不同场景及交谈对象的职场会话在本项课程学习中会更加进步。 ・ Đây là khóa học dành cho người có thể đọc viết Hiragana, Katakana và một vài Hán tự đơn giản, có thể giao tiếp ở một mức độ nhất định trong cuộc sống hàng ngày. Hãy phát triển hơn nữa cách giao tiếp tại nơi làm việc sao cho phù hợp với tình huống và đối tượng giao tiếp.

あんていき
安定的な
しゅうしょく
就職・
しよくばていちゃく
職場定着
そくしん
の促進

- ・ Promotion of stable employment and workplace assimilation
- ・ Promoción de empleo estable y arraigo en el lugar de trabajo.
- ・ 促进稳定的就职及职场稳定就业
- ・ Thúc đẩy ổn định việc làm và làm việc lâu bền tại nơi làm việc

ほかのちいきのコース じょうほう



JICE Website
<https://www.jice.org/tabunka/course/>



JICE Facebook
 しごとのためのにほんご
<https://www.facebook.com/jice.tabunka/>

